

Số: 1823/TB-TTN

Bình Thuận, ngày 7 tháng 9 năm 2024

THÔNG BÁO
Về giá vật tư và nhân công lắp thủy kế tháng 9 năm 2024
(Áp dụng từ ngày 15/9/2024)

- Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

- Căn cứ Quyết định số 311/QĐ-SXD ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Thuận về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng năm 2023 công trình trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

- Căn cứ Giá xuất kho bình quân ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Kho dịch vụ Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Bình Thuận

TT	Mã hiệu đơn giá	Danh mục vật tư	Đơn vị	Đơn giá (đồng)		Ghi chú
				Nhân công	Vật tư	
1	AB.11501	Đào kênh mương, rãnh thoát nước, đường ống, đường cáp bằng thủ công, rộng $\leq 1\text{m}$, sâu $\leq 1\text{m}$ - Cấp đất I	m3	154,341		
2	AB.11502	Đào kênh mương, rãnh thoát nước, đường ống, đường cáp bằng thủ công, rộng $\leq 1\text{m}$, sâu $\leq 1\text{m}$ - Cấp đất II	m3	230,454		
3	AB.11503	Đào kênh mương, rãnh thoát nước, đường ống, đường cáp bằng thủ công, rộng $\leq 1\text{m}$, sâu $\leq 1\text{m}$ - Cấp đất III	m3	342,510		
4	AB.11504	Đào kênh mương, rãnh thoát nước, đường ống, đường cáp bằng thủ công, rộng $\leq 1\text{m}$, sâu $\leq 1\text{m}$ - Cấp đất IV	m3	522,222		
5	AB.13412	Đắp móng đường ống bằng thủ công	m3	122,627		
6	BB.85101	Đồng hồ nước DN 15	Cái	182,694	466,200	
7	BB.85101	Đồng hồ nước DN 25	Cái	182,694	3,031,350	

TT	Mã hiệu đơn giá	Danh mục vật tư	Đơn vị	Đơn giá (đồng)		Ghi chú
				Nhân công	Vật tư	
8	BB.83501	Đai khởi thủy HDPE 49/27	bộ	30,600	121,605	
9	BB.83501	Đai khởi thủy HDPE 49/34	bộ	30,600	112,665	
10	BB.83501	Đai khởi thủy HDPE 42/27	bộ	30,600	90,930	
11	BB.83501	Đai khởi thủy HDPE 60/27	bộ	30,600	131,599	
12	BB.83501	Đai khởi thủy HDPE 60/34	bộ	30,600	140,700	
13	BB.83502	Đai khởi thủy HDPE 76/27	bộ	43,350	147,000	
14	BB.83502	Đai khởi thủy HDPE 76/34	bộ	43,350	73,920	
15	BB.83502	Đai khởi thủy HDPE 90/27	bộ	43,350	150,026	
16	BB.83502	Đai khởi thủy HDPE 90/34	bộ	43,350	160,309	
17	BB.83502	Đai khởi thủy HDPE 90/42	bộ	43,350	165,165	
18	BB.83503	Đai khởi thủy HDPE 114/27	bộ	51,000	180,456	
19	BB.83503	Đai khởi thủy HDPE 114/34	bộ	51,000	180,602	
20	BB.83503	Đai khởi thủy HDPE 114/42	bộ	51,000	191,625	
21	BB.83503	Đai khởi thủy HDPE 114/49	bộ	51,000	196,980	
22	BB.83503	Đai khởi thủy HDPE 114/60	bộ	51,000	256,530	
23	BB.83504	Đai khởi thủy HDPE 140/27	bộ	58,650	219,690	
24	BB.83504	Đai khởi thủy HDPE 140/34	bộ	58,650	251,396	
25	BB.83504	Đai khởi thủy HDPE 140/42	bộ	58,650	259,245	
26	BB.83504	Đai khởi thủy HDPE 140/49	bộ	58,650	268,275	
27	BB.83505	Đai khởi thủy HDPE 168/27	bộ	63,750	244,650	
28	BB.83505	Đai khởi thủy HDPE 168/34	bộ	63,750	250,105	
29	BB.83505	Đai khởi thủy HDPE 168/42	bộ	63,750	259,245	
30	BB.83505	Đai khởi thủy HDPE 168/49	bộ	63,750	268,275	
31	BB.83505	Đai khởi thủy HDPE 168/60	bộ	63,750	274,155	
32	BB.83506	Đai khởi thủy HDPE 220/27	bộ	84,150	342,122	
33	BB.83506	Đai khởi thủy HDPE 220/34	bộ	84,150	318,150	
34	BB.83506	Đai khởi thủy HDPE 220/42	bộ	84,150	349,230	
35	BB.83506	Đai khởi thủy HDPE 220/49	bộ	84,150	351,750	
36	BB.83506	Đai khởi thủy HDPE 220/60	bộ	84,150	488,646	
37	BB.75404	Côn PVC 34/27	Cái	17,850	4,280	
38	BB.77103	Co đều hai đầu ren HDPE 25	Cái	7,650	26,785	
39	BB.77104	Co đều hai đầu ren HDPE 32	Cái	8,160	42,000	
40	BB.75101	Co trơn PVC D27	Cái	7,140	5,040	

TT	Mã hiệu đơn giá	Danh mục vật tư	Đơn vị	Đơn giá (đồng)		Ghi chú
				Nhân công	Vật tư	
41	BB.75101	Co trơn PVC D34	Cái	7,140	6,823	
42	BB.73303	Co răng trong đồng PVC D27	Cái	30,600	26,059	
43	BB.73304	Co răng trong PVC D34	Cái	35,700	4,024	
44	BB.73303	Co STK D27	Cái	30,600	8,165	
45	BB.73303	Co Inox ren trong 27	Cái	30,600	37,170	
46	BB.73304	Co STK D34	Cái	35,700	12,600	
47	BB.45113	Ống HDPE D25 (12,5bar)	mét	4,131	10,313	
48	BB.45121	Ống HDPE D32 (12,5bar)	mét	6,171	16,896	
49	BB.41102	Ống PVC D27	mét	7,446	13,459	
50	BB.41103	Ống PVC D34	mét	8,951	11,234	
51	BB.33001	Ống STK D27	mét	26,775	42,875	
52	BB.33002	Ống STK D34	mét	31,620	37,228	
53	TT	Keo dán PVC 50g	Tupe	0	9,450	
54	TT	Keo dán PVC 25g	Tupe	0	5,250	
55	BB.73303	Khâu nối 2 đầu răng STK D27	Cái	30,600	5,491	
56	BB.73304	Khâu nối 2 đầu răng STK D34	Cái	35,700	15,750	
57	BB.77103	Manchon ren ngoài PVC D27	Cái	7,650	3,150	
58	BB.77104	Manchon ren ngoài PVC D34	Cái	8,160	4,924	
59	BB.77103	Manchon ren trong đồng PVC D27	Cái	7,650	19,664	
60	BB.77104	Manchon ren trong PVC D34	Cái	8,160	1,889	
61	BB.73303	Manchon ren trong STK 27	Cái	30,600	7,021	
62	BB.73304	Manchon ren trong STK 34	Cái	35,700	9,644	
63	BB.77203	Nối đều HDPE D25	Cái	16,830	30,606	
64	BB.77104	Nối đều HDPE D32	Cái	8,160	43,050	
65	BB.77104	Nối giảm HDPE 32/25	Cái	8,160	40,300	
66	BB.77104	Nối ren ngoài HDPE 32	cái	8,160	20,891	
67	BB.77203	Nối ren ngoài HDPE D25	cái	16,830	14,676	
68	BB.77203	Nối ren trong HDPE D25	cái	16,830	17,096	
69	BB.88203	Nút bịt STK D27	Cái	20,400	5,451	
70	BB.88204	Nút bịt STK D34	Cái	22,950	6,936	
71	BB.73304	Racco STK D34	Cái	35,700	20,143	
72	BB.77204	Tê đều ren HDPE D32	Cái	19,635	63,085	
73	BB.77203	Tê đều ren HDPE D25	Cái	16,830	46,200	

TT	Mã hiệu đơn giá	Danh mục vật tư	Đơn vị	Đơn giá (đồng)		Ghi chú
				Nhân công	Vật tư	
74	BB.77204	Tê ren giảm HDPE 32/25	Cái	19,635	38,084	
75	BB.75403	Tê trơn PVC D27	Cái	15,300	6,720	
76	BB.77203	Tê PVC ren ngoài đồng 27	Cái	16,830	32,739	
77	BB.77203	Tê PVC ren trong đồng 27	Cái	16,830	18,173	
78	BB.75404	Tê trơn PVC D34	Cái	17,850	6,072	
79	BB.73303	Tê ren trong STK D27	Cái	30,600	12,739	
80	BB.73303	Tê ren trong Inox D27	Cái	30,600	45,885	
81	BB.73304	Tê ren trong STK D34	Cái	35,700	39,375	
82	TT	Tombo	Cái	0	5,250	
83	BB.91501	Vòi nước D27	Cái	43,350	52,198	
84	BB.86601	Van đồng cửa đồng D27	Cái	27,681	108,366	
85	BB.86602	Van đồng cửa đồng D34	Cái	38,753	179,845	
86	BB.86602	Van đồng 1 chiều D34	Cái	38,753	138,211	
87	BB.86601	Van cóc HDPE khoá ON D25	Cái	27,681	71,570	
88	BB.86602	Van cóc khoá ON D32	Cái	38,753	509,554	
89	BB.86601	Van cóc khoá ON D25	Cái	27,681	105,715	
90	BB.86601	Van góc 1 chiều liên hợp đồng khoá từ 3/4x3/4" MH	Cái	27,681	131,250	
91	BB.86601	Van góc 1 chiều liên hợp đồng khoá từ 25x3/4" MH	Cái	27,681	131,312	
92	BB.86601	Van góc 2 chiều 3/4x3/4" MH	Cái	27,681	95,320	
93	BB.75403	Van PVC 27	Cái	15,300	29,353	
94	BB.75404	Van PVC 34	Cái	17,850	42,000	
95	BB.75101	Đầu bịt PVC 27	Cái	7,140	2,100	

Ghi chú:

1. Giá vật liệu trên chưa tính thuế GTGT
2. Khi có biến động giá vật tư, Phòng KH-TC có trách nhiệm thông báo cho các CTCN biết áp dụng

Nơi nhận:

- Phòng QLCN; QLKT
- Các CTCN
- Niêm yết;
- Lưu: VT; Phú-QLCN; Khoa KH; 02b.

GIÁM ĐỐC

Trần Văn Liêm

